

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ- TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh
2. Ông Trần Đình Đậu

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 032024/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1979

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1981

Đều ĐKKHKT: Tổ 19, khu H 1, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay đều ở tại: Tổ 4, khu 1a, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26/3/2010, chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Chí T đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh T hay đánh chửi chị V. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, nhưng anh T vẫn thường quấy rối chị V và các con. Nay chị V nhận thấy tình cảm với anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị V trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 21/8/2014. Từ khi vợ chồng ly thân, hai cháu sống cùng chị V. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi cả hai cháu và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị V trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Phía bị đơn, anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 19, khu H 1, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nhưng sau đó lại thường xuyên cư trú tại Tổ 4, khu 1a, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, các văn bản tố tụng Tòa án gửi về chỗ ở hiện nay của anh T thì anh T đều từ chối nhận.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T cùng với trưởng khu H 1, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là bà Vũ Thị Q: Bà Q xác nhận chị V và anh T đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND phường B, vợ chồng sống ở khu dân cư một thời gian ngắn rồi chuyển đến phường V sống đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống ở khu dân cư bà Q không nắm rõ vì anh chị sống ở địa phương không lâu. Gia đình anh T tại địa phương từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư cùng với trưởng khu 1a, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là ông Trần Văn Minh: Ông Minh xác nhận chị V và anh T sống ở khu dân cư từ năm 2010. Quá trình vợ chồng chung sống ở địa phương có mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu say về và đánh chửi chị V, việc này đã diễn ra nhiều năm và đã có lần Công an phường V phải lập biên bản về việc anh T đánh chị V. Thời gian gần đây, lúc thì anh T về nhà tại phường B, lúc thì ở tại phường V. Hai con chung hiện đang sống cùng chị V. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Chí T.

Về con chung: Giao cho chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 21/8/2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị V tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị V xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 24/7/2023, chị Nguyễn Thị V nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Chí T, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình, anh T có địa chỉ tại tổ 19, khu H 1, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Chí T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 26/3/2010, chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Chí T đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh T hay đánh chửi chị V. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, nhưng anh T vẫn thường quấy rối chị V và các con. Nay chị V nhận thấy tình cảm với anh Thủy không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh chị cư trú thấy phù hợp với lời trình bày của chị V. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị V, anh T đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa chị V, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án để làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh T không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị V xin ly hôn với anh T là

có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị V, anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 21/8/2014. Từ khi vợ chồng ly thân, hai con chung đều sống cùng chị V.

Chị V có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T không đến Tòa án nên không có quan điểm gì về con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung của hai bên đương sự thấy rằng: Nguyên vọng chị V xin nuôi cả hai con chung là chính đáng vì anh T không có quan điểm gì về việc nuôi con chung trong quá trình giải quyết vụ án, như vậy là anh T từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như trách nhiệm của người bố trong việc thể hiện quan điểm về việc nuôi dạy, chăm sóc con chung. Đồng thời, 02 con chung đều có nguyện vọng tại bản tự khai là xin được ở với chị V và xác nhận việc anh T thường xuyên đánh chửi chị V. Việc anh T có sử dụng bạo lực gia đình sẽ không đảm bảo môi trường sống tốt nhất cho các con chung nếu giao con cho anh T nuôi dưỡng.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V là giao cho chị V được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 21/8/2014 cho đến khi cả 02 con chung thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử xét thấy chị V tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị V xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị V phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V xin ly hôn anh Nguyễn Chí T.

Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 21/8/2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị V tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị V xác định vợ chồng không có. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005509 ngày 12/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

“ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TP;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì;
- UBND phường B, TP. Việt Trì;
- UBND phường V, TP. Việt Trì;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Cẩm Vân

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Cẩm Vân

Nguyễn Cẩm Vân

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Cẩm Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: /2024/TL-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Trì, ngày 05 tháng 3 năm 2024

Do đó HĐXX nhất trí hoãn phiên tòa.
Biên bản lập xong hồi giờ phút, thông qua Hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Cẩm Vân

**TRÍCH LỤC
BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH SƠ THẨM**

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2024/HNGĐ-ST ngày 26/01/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1979

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1981

Đầu ĐKHKTT: Tổ 19, khu H 1, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay đều ở tại: Tổ 4, khu 1a, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V xin ly hôn anh Nguyễn Chí T.

Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 21/8/2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị V tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị V xác định vợ chồng không có. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005509 ngày 12/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

“ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đường sự (c. Việt).

THẨM PHÁN

Nguyễn Cẩm Vân